

Số: 3576 /SGDDT-VP

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 7 năm 2026

V/v quy định tiêu chuẩn đánh giá thi đua
đối với các trường, trung tâm trực thuộc
Sở GDĐT năm học 2025 - 2026

Kính gửi: Các trường, trung tâm trực thuộc Sở

Thực hiện Công văn số 3987/BGDDT-TCCB ngày 29/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động và bình xét thi đua, khen thưởng cụm thi đua các sở GDĐT từ năm học 2025-2026 (viết tắt là Công văn số 3987/BGDDT-TCCB); căn cứ vào phương hướng, nhiệm vụ năm học 2025 - 2026, Sở GDĐT quy định tiêu chuẩn đánh giá thi đua và cho điểm các lĩnh vực công tác đối với các trường, trung tâm trực thuộc Sở (gọi chung là các đơn vị), như sau:

I. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ THI ĐUA VÀ ĐIỂM ĐÁNH GIÁ THI ĐUA

Theo Phụ lục đính kèm.

II. QUY ĐỊNH CHO ĐIỂM CÁC LĨNH VỰC CÔNG TÁC VÀ BÌNH CHỌN XÉT THƯỞNG

1. Quy định cho điểm

a) Việc đánh giá chấm điểm phải dựa trên các tiêu chí cụ thể, có minh chứng rõ ràng. Tổng điểm tất cả các lĩnh vực công tác là 610 điểm (chưa tính điểm thưởng); trong đó, điểm tối đa đối với giáo dục mầm non là 445 điểm; giáo dục phổ thông là 470 điểm (Trường CB Tương Lai, Trung tâm HTPTGDHN Đà Nẵng là 445 điểm); giáo dục thường xuyên 410 điểm.

b) Điểm thưởng: Dành cho các đơn vị có thành tích xuất sắc tiêu biểu, nổi trội, có sáng tạo trong việc thực hiện lĩnh vực công tác, có ý nghĩa lan tỏa trong toàn ngành hoặc có sự vươn lên vượt bậc so với năm học trước.

2. Bình chọn xét khen thưởng

Trên cơ sở điểm tự chấm của các đơn vị, Sở GDĐT sẽ tổ chức thẩm định; dựa vào biên bản kiểm tra và sự đánh giá của các phòng thuộc Sở GDĐT, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành xem xét và đề nghị các cấp khen thưởng.

Xét khen thưởng theo tổng số điểm từ cao xuống thấp; trường hợp nhiều đơn vị có tổng điểm bằng nhau thì ưu tiên xét đơn vị có nhiều sản phẩm đổi mới, sáng tạo đã được Sở thẩm định, đánh giá.

Không xét khen thưởng đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo để xảy ra vi phạm đặc biệt nghiêm trọng (theo kết luận của cấp có thẩm quyền), làm ảnh hưởng môi trường giáo dục của địa phương và ngành Giáo dục.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị, trường học

- Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện nội dung các lĩnh vực công tác;
- Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện và cho điểm từng lĩnh vực công tác;
- Gửi Báo cáo kết quả thực hiện các lĩnh vực công tác năm học 2025 – 2026 về Sở Giáo dục và Đào tạo qua Hệ thống thông tin chính quyền điện tử (các phòng thuộc Sở theo phân công tại Phụ lục đính kèm) trước ngày **25/7/2026**.

Lưu ý: Báo cáo và tự chấm điểm thực hiện theo từng lĩnh vực công tác (báo cáo riêng theo từng lĩnh vực, nêu rõ giải pháp, minh chứng, kết quả cụ thể). Các đơn vị báo cáo trừ bị trừ 01 điểm tại mục I.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý.

2. Các phòng thuộc Sở

Các phòng Sở nhận báo cáo, minh chứng của các trường, đánh giá, cho điểm và tổng hợp điểm của các đơn vị theo phân công tại Phụ lục đính kèm gửi về Văn phòng Sở trước **ngày 05/8/2026** (cô Máy nhận).

Trên đây là quy định tiêu chuẩn đánh giá thi đua, cho điểm các lĩnh vực công tác đối với các đơn vị trực thuộc Sở trong năm học 2025 - 2026. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị liên hệ Sở GDĐT (Văn phòng Sở) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở;
- Trưởng các phòng sở;
- Lưu: VT, VP.



GIÁM ĐỐC

Lê Thị Bích Thuận

Phụ lục
DANH MỤC TIÊU CHÍ THI ĐUA
(Kèm theo Công văn số /SGDDT-VP ngày /7/2026 của Sở GDĐT)

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng	Phòng nhận báo cáo và chấm điểm
I.	CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, QUẢN LÝ, CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	120		Văn phòng Sở
1.	Xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học kịp thời, rõ mục tiêu (cụ thể, đo lường được, khả thi), nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, đồng bộ, phù hợp với thực tế; phân công rõ tập thể và cá nhân chịu trách nhiệm thực hiện, xác định rõ lộ trình và thời gian hoàn thành, đảm bảo phương châm “6 rõ” (rõ người - rõ việc - rõ thời gian - rõ trách nhiệm - rõ sản phẩm - rõ thẩm quyền); có báo cáo đầy đủ	20	Kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học (10 điểm). Báo cáo chuẩn bị năm học và khai giảng năm học; báo cáo sơ kết học kỳ I; báo cáo tổng kết năm học; báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí thi đua và đề nghị xét khen thưởng năm học; báo cáo định kỳ hằng tháng, hằng quý, 06 tháng về tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm năm học ở địa phương và các báo cáo đột xuất... theo đúng quy định (10 điểm; mỗi báo cáo trừ 01 điểm, không báo cáo trừ 2 điểm).	
2.	Tham mưu thực hiện hoặc triển khai các giải pháp mang tính đột phá, đặc thù của địa phương trong công tác quản lý giáo dục, kịp thời tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong việc quản lý chỉ đạo về công tác giáo dục đối với cấp xã.	20	Có giải pháp mang tính đột phá mang lại hiệu quả cao (nâng cao chất lượng giáo dục; lợi ích kinh tế...) (15 điểm) Có sáng kiến được cấp thành phố công nhận (5 điểm)	
3.	Thực hiện tốt công tác tạo động lực cho công chức, viên chức trong hệ thống chính trị, tổ chức tốt các phong trào thi đua trong	25	Triển khai và thực hiện các văn bản hướng dẫn về công tác Thi đua, khen thưởng (06 điểm); phát động, thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua (05 điểm); thực hiện công tác phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến, các	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng	Phòng nhận báo cáo và chấm điểm
	toàn ngành giáo dục địa phương.		mô hình hay (05 điểm); tuyên dương khen thưởng do trường, sở,... phát động (05 điểm); Báo cáo tổng kết công tác thi đua khen thưởng và hồ sơ trình khen thưởng cuối năm học(04 điểm).	
4.	Thực hiện công tác kiểm tra nội bộ	10	Quy chế hoạt động kiểm tra nội bộ (KTNB); quyết định thành lập Ban KTNB trường học; kế hoạch KTNB năm học (3 điểm); Các quyết định, biên bản, báo cáo kết quả kiểm tra và thông báo kết quả KTNB hằng tháng (4 điểm). Báo cáo sơ kết HK I và Báo cáo tổng kết năm học công tác KTNB (3 điểm).	
5.	Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh và công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực (PCTNLPTC)	10	Nội quy tiếp công dân, lịch TCD; Quy định về Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh; Báo cáo sơ kết HK I và Báo cáo Tổng kết năm học công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh (tích hợp cùng báo cáo công tác PCTNLPTC theo hướng dẫn của Sở GDĐT) (5 điểm); Quyết định thành lập Ban/Tổ PCTNLPTC của trường; Kế hoạch công tác PCTNLPTC theo năm hành chính; các hồ sơ, minh chứng triển khai thực hiện Kế hoạch PCTNLPTC. - Báo cáo sơ kết HK I và Báo cáo Tổng kết năm học công tác PCTNLPTC (5 điểm).	
6.	Công tác truyền thông	15	Ban hành kế hoạch truyền thông (3 điểm); Tổ chức truyền thông các hoạt động giáo dục: Hội nghị, hội thảo, qua website, zalo, facebook... (5 điểm); Tổ chức truyền thông về Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng	Phòng nhận báo cáo và chấm điểm
			và đào tạo; văn bản của các cấp về triển khai Nghị quyết số 71-NQ/TW (5 điểm); Báo cáo về kết quả truyền thông (2 điểm).	
7.	Cải cách hành chính	20		
a)	Xây dựng kế hoạch hoặc lồng ghép trong kế hoạch cải cách hành chính nội dung về công tác cải cách thủ tục hành chính, rõ mục tiêu (cụ thể, đo lường được, khả thi), nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, đồng bộ, phù hợp với thực tế.	5	Kế hoạch đã được ban hành.	
b)	Kết quả thực hiện cải cách thủ tục hành chính	10		
-	Thực hiện 100%	10	Tỷ lệ công bố, công khai; giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị, trường học.	
-	Thực hiện từ 90% nội dung trở lên	10		
-	Thực hiện từ 70% đến dưới 90% nội dung	7		
-	Thực hiện từ 50 đến dưới 70% nội dung	5		
-	Thực hiện dưới 50% nội dung	2		
c)	Báo cáo kết quả thực hiện hoặc lồng ghép trong báo cáo cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị đúng hạn	5	Có báo cáo cụ thể	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng	Phòng nhận báo cáo và chấm điểm
II.	GIÁO DỤC MẦM NON (áp dụng đối với cá trường mầm non trực thuộc Sở)	100		Phòng Giáo dục Mầm non
1.	Đảm bảo an toàn cho trẻ (không để xảy ra tai nạn thương tích nghiêm trọng)	25	- Kế hoạch đảm bảo an toàn trường học; - Hồ sơ y tế học đường; - Báo cáo phòng chống tai nạn thương tích; - Biên bản kiểm tra an toàn định kỳ; - Bảng kiểm trường học an toàn theo Thông tư 45; - Kế hoạch giáo dục có tích hợp các nội dung giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho trẻ; - Kế hoạch tập huấn về sơ cấp cứu ban đầu, phòng chống tai nạn thương tích của giáo viên và nhân viên y tế trường học; - Góc tuyên truyền tại lớp/Bảng tin cha mẹ phối hợp phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ tại nhà và trường học.	
2.	Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ	25	- Thực đơn dinh dưỡng; - Sổ theo dõi sức khỏe trẻ; - Phần mềm tính dưỡng chất dinh dưỡng bữa ăn; - Hồ sơ kiểm tra an toàn thực phẩm; - Báo cáo tình hình dinh dưỡng trẻ (tỷ lệ suy dinh dưỡng, béo phì giảm so với năm trước); - Kế hoạch và biên bản phun thuốc khử khuẩn, tổng vệ sinh trường lớp định kỳ.	
3.	Nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục	30	- Kế hoạch giáo dục nhà trường; - Hồ sơ chuyên đề, hoạt động giáo dục; - Hình ảnh, video minh chứng hoạt động; - Kế hoạch giáo dục các nhóm, lớp; - Đánh giá mức độ hoàn thành chương trình theo độ tuổi của trẻ; - Các chuyến tham quan, dã ngoại, lễ hội, các hoạt động trải nghiệm kỹ năng sống nếu có.	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng	Phòng nhận báo cáo và chấm điểm
4.	Thực hiện phổ cập giáo dục mầm non: Duy trì và nâng cao tỷ lệ huy động trẻ (trẻ 3-5 tuổi, ưu tiên trẻ 5 tuổi)	20	- Báo cáo phổ cập giáo dục mầm non; - Số liệu huy động trẻ ra lớp; - Danh sách trẻ theo độ tuổi	
III.	GIÁO DỤC PHỔ THÔNG (áp dụng đối với các trường phổ thông, Trường CB Tương Lai, Trung tâm HTPTGDHN Đà Nẵng)	100		- Các trường phổ thông gửi báo cáo về Phòng Giáo dục Trung học và Học sinh, sinh viên - Trường CB Tương Lai, Trung tâm HTPTGDHN Đà Nẵng gửi báo cáo về Phòng Giáo dục Tiểu học
1.	Hoàn thành 100% các nhiệm vụ về giáo dục phổ thông theo Kế hoạch được xây dựng trong năm học	25	Kế hoạch giáo dục nhà trường (KHGDNT) được xây dựng đúng quy trình, đảm bảo cấu trúc, nội dung, công khai theo quy định; hồ sơ hợp góp ý, ban hành, biên bản rà soát điều chỉnh KHGDNT.	
	Thực hiện từ 90% nội dung trở lên	25	Kế hoạch dạy học các môn học/hoạt động giáo dục theo Chương trình GDPT 2018 thực hiện đầy đủ, không cắt xén, tự ý thêm bớt nội dung; thời khóa biểu, sổ đầu bài.	
	Thực hiện từ 70% đến dưới 90% nội dung	20		
	Thực hiện từ 50 đến dưới 70% nội dung	15	Kế hoạch giáo dục Nội dung giáo dục địa phương, Hoạt	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng	Phòng nhận báo cáo và chấm điểm
	Thực hiện dưới 50% nội dung	10	động trải nghiệm, hướng nghiệp thực hiện đúng quy định; quyết định phân công giáo viên phù hợp năng lực. Biên bản sinh hoạt chuyên môn trường, tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học; biên bản/kết quả tham gia sinh hoạt chuyên môn cụm do UBND phường/xã/Sở GDĐT tổ chức, biên bản phổ biến, tập huấn lại sau khi tham gia các khóa tập huấn do do UBND phường/xã/Sở GDĐT tổ chức. Kế hoạch bài dạy, sản phẩm/video minh chứng đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; dạy học theo dự án, STEM; báo cáo kết quả thi giáo viên dạy giỏi, hội thảo chuyên môn. Hồ sơ kiểm tra định kỳ (ma trận, đặc tả, đề kiểm tra/hướng dẫn kiểm tra); sổ điểm/học bạ số trên cơ sở dữ liệu ngành thể hiện thực hiện đúng quy chế kiểm tra, đánh giá. Báo cáo tổng kết năm học thể hiện tỷ lệ học sinh bỏ học; dữ liệu đối chiếu trên cơ sở dữ liệu ngành GDĐT. Quyết định/bảng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia (còn hiệu lực) hoặc báo cáo tự đánh giá, tờ trình đăng ký đánh giá ngoài, biên bản đánh giá ngoài (đối với trường chưa/đang thực hiện kiểm định). Quy chế dân chủ ở cơ sở; minh chứng công khai thông tin theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT (website nhà trường); biên bản tự kiểm tra nội bộ. Minh chứng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý: tỷ lệ và thời điểm cập nhật dữ liệu trên cơ sở dữ liệu ngành, học bạ số, sổ điểm điện tử; báo cáo tổ chức họp/hội thảo trực tuyến khi cần thiết.	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng	Phòng nhận báo cáo và chấm điểm
2.	Bảo đảm nhu cầu học tập: tỉ lệ huy động học sinh vào lớp 1 là 100% so trẻ em trong độ tuổi; vào lớp 6 là 100% trong tổng học sinh hoàn thành cấp tiểu học; vào lớp 10 cấp THPT và tương đương là 90% trong tổng số học sinh hoàn thành cấp THCS	25	Số liệu, báo cáo huy động học sinh vào lớp 1, học sinh hoàn thành cấp tiểu học vào lớp 6; học sinh hoàn thành cấp THCS vào lớp 10 THPT và tương đương; đối chiếu với cơ sở dữ liệu ngành. Kế hoạch, văn bản chỉ đạo công tác tuyển sinh đầu cấp hằng năm; thông báo tuyển sinh, phương án phân tuyến, phân luồng.	
	Thực hiện từ 90% nội dung trở lên	25	Danh sách/thông kê học sinh trong độ tuổi không ra lớp (nếu có) kèm giải pháp vận động, hỗ trợ ra lớp.	
	Thực hiện từ 70% đến dưới 90% nội dung	20	Báo cáo công tác phân luồng học sinh sau THCS (tỷ lệ vào THPT, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp).	
	Thực hiện từ 50 đến dưới 70% nội dung	15	Kế hoạch, biên bản phối hợp với chính quyền địa phương (phường, xã, đặc khu) trong công tác huy động, duy trì sĩ số học sinh.	
	Thực hiện dưới 50% nội dung	10		
3.	Chất lượng giáo dục: tỉ lệ học sinh hoàn thành cấp tiểu học là 100%; cấp THCS là 100%; THPT và tương đương là 85%; tỉ lệ người theo học các trình độ sau THPT là 50%	25	Báo cáo tổng kết năm học: tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình/lên lớp cấp TH, THCS; tỷ lệ tốt nghiệp THPT và tương đương; số liệu đối chiếu trên cơ sở dữ liệu ngành. Báo cáo kết quả kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10, kỳ thi tốt nghiệp THPT. Báo cáo, số liệu khảo sát học sinh tiếp tục học lên cao đẳng, đại học, các trình độ sau THPT.	
	Thực hiện từ 90% nội dung trở lên	25	Kết quả các kỳ thi học sinh giỏi cấp thành phố, quốc gia, cuộc thi khoa học kỹ thuật, minh chứng chất lượng giáo dục mũi nhọn.	
	Thực hiện từ 70% đến dưới 90% nội dung	20	Hồ sơ kiểm tra, đánh giá định kỳ; học bạ số trên cơ sở dữ liệu ngành.	
	Thực hiện từ 50 đến dưới 70% nội dung	15		
	Thực hiện dưới 50% nội dung	10		
4.	Học sinh được học tập về chuyển đổi số, sử	25	Kế hoạch, báo cáo triển khai dạy học có ứng dụng học liệu	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng	Phòng nhận báo cáo và chấm điểm
	dụng học liệu số; giáo dục kỹ năng sống; tham gia trải nghiệm STEM/STEAM tham gia các hoạt động giáo dục thể chất là 100%		số, phần mềm quản lý học tập; số liệu tỷ lệ học sinh được tiếp cận học liệu số.	
	Thực hiện từ 90% nội dung trở lên	25	Kế hoạch giáo dục kỹ năng sống lồng ghép trong chương trình chính khóa và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; minh chứng tổ chức chuyên đề, hoạt động trải nghiệm liên quan.	
	Thực hiện từ 70% đến dưới 90% nội dung	20	Kế hoạch, hình ảnh/báo cáo tổ chức hoạt động trải nghiệm STEM/STEAM theo học kỳ, khối lớp; sản phẩm học sinh, kết quả tham gia cuộc thi khoa học kỹ thuật.	
	Thực hiện từ 50 đến dưới 70% nội dung	15	Kế hoạch, báo cáo tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, thể thao trường học (giờ học chính khóa, câu lạc bộ thể thao, Hội khỏe Phù Đổng cấp trường); danh sách học sinh tham gia.	
	Thực hiện dưới 50% nội dung	10		
IV.	GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN (<i>áp dụng đối với các trung tâm GDTX</i>)	40		Phòng Giáo dục Thường xuyên và Giáo dục Nghề nghiệp
1.	Xây dựng kế hoạch giáo dục (KHGD) đảm bảo cấu trúc, nội dung, phù hợp với thực tiễn trung tâm; công khai KHGD theo quy định. - Tổ chức xây dựng KHGD đúng quy trình: 1 điểm - KHGD đảm bảo cấu trúc, nội dung; thể hiện rõ ràng, đầy đủ các nhiệm vụ, hoạt động của trung tâm ở từng thời điểm: 2 điểm	5	Hồ sơ minh chứng về tổ chức xây dựng, họp góp ý, hoàn chỉnh, ban hành. Cấu trúc, nội dung đảm bảo theo văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT (thể hiện trong KHGD). KHGD được công khai trên Website, nhập đường link kiểm tra KHGD theo quy định. Biên bản họp rà soát điều chỉnh KHGD.	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng	Phòng nhận báo cáo và chấm điểm
	- Công khai KHGD đúng quy định của Sở GDĐT: 1 điểm - Tổ chức kiểm tra, rà soát, điều chỉnh KHGD theo thực tiễn: 1 điểm			
2.	Triển khai đầy đủ các môn học/hoạt động giáo dục (HĐGD) theo Chương trình GDPT 2018 đối với GDTX - Thực hiện đầy đủ: 2 điểm - Thiếu 01 nội dung: -1 điểm	2	Kế hoạch dạy học các môn học/HĐGD; Thời khóa biểu; Sổ đầu bài .	
3.	Tổ chức dạy học Nội dung giáo dục của địa phương, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp đúng quy định; phân công giáo viên phù hợp năng lực. - Thực hiện đúng quy định, có phân công đúng: 3 điểm - Thực hiện nhưng phân công chưa đúng: 2 điểm - Chưa thực hiện đầy đủ: 1 điểm	3	Kế hoạch giáo dục Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Kế hoạch dạy học Nội dung giáo dục của địa phương; Quyết định phân công giáo viên.	
4.	Thực hiện sinh hoạt chuyên môn trung tâm, tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học; tham gia sinh hoạt chuyên môn cụm do Sở GDĐT tổ chức: 2 điểm.	2	Biên bản sinh hoạt tổ chuyên môn. Biên bản/kết quả sinh hoạt chuyên môn cụm; Minh chứng ứng dụng nghiên cứu bài học	
5.	Đổi mới quản lý, quản trị nhà trường theo hướng tự chủ, dân chủ, phân cấp; thực hiện công khai, minh bạch các hoạt động nhà trường. - Xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ	4	Quy chế dân chủ; Link/Ảnh màn hình website công khai thông tin nhà trường Biên bản tự kiểm tra nội bộ	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng	Phòng nhận báo cáo và chấm điểm
	cơ sở: 3 điểm - Công khai đầy đủ theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT: 1 điểm			
6.	Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý: sử dụng phần mềm quản lý học sinh, học bạ số, sổ điểm điện tử; tổ chức họp, hội thảo trực tuyến khi cần thiết. - Cập nhật đầy đủ, đúng hạn trên cơ sở dữ liệu ngành: 2 điểm. - Triển khai học bạ số 100% lớp: 2 điểm	4	Tỉ lệ và thời điểm cập nhật dữ liệu trên cơ sở dữ liệu ngành Học bạ số trên phần mềm cơ sở dữ liệu Báo cáo cơ sở dữ liệu cuối năm học	
7.	Tỉ lệ học viên học chương trình GDTX trong năm học - Không có học viên bỏ học: 3 điểm - Tỉ lệ bỏ học $\leq 3\%$: 2 điểm - Tỉ lệ bỏ học $> 3\%$: 1 điểm	3	Báo cáo tổng kết năm học (bảng số liệu học sinh) Dữ liệu trên CSDL ngành GDĐT	
8.	Kết quả huy động học viên tham gia học chương trình giáo dục thường xuyên cấp THCS và THPT (so với số liệu năm học trước): 3 điểm	3	Kế hoạch, công văn hướng dẫn, triển khai thực hiện các chương trình GDTX (so với số liệu năm học trước).	
9.	Kế hoạch thực hiện, kiểm tra hàng năm và báo cáo kết quả triển khai/phối hợp thực hiện Đề án xây dựng xã hội học tập, công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ: 2 điểm.	2	Quyết định thành lập/kiện toàn Bộ phận chỉ đạo/Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập; chương trình phối hợp thực hiện Đề án 1373; các hoạt động tuyên truyền về học tập suốt đời, về xây dựng xã hội học tập.	
10.	Kế hoạch thực hiện, báo cáo kết quả triển khai Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời,	2	Kế hoạch thực hiện, báo cáo.	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng	Phòng nhận báo cáo và chấm điểm
	Ngày sách và Văn hóa đọc Việt Nam: 1 điểm. Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại đơn vị học tập: 1 điểm.			
11.	Công tác bồi dưỡng, tập huấn thường xuyên; bồi dưỡng về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá cho đội ngũ giáo viên dạy chương trình giáo dục thường xuyên (so với số liệu năm học trước): 3 điểm.	3	Số lượt học viên theo học các chương trình (so với số liệu năm học trước).	
12.	Kế hoạch, số lượng chương trình hoặc chuyên đề bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực nghề nghiệp; số lượng lớp hoặc học viên tham gia (so với số liệu năm học trước): 3 điểm.	3	Số lượng lớp hoặc học viên tham gia (so với số liệu năm học trước).	
13.	Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; xây dựng văn hóa học đường; tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho học viên. - Xây dựng kế hoạch và triển khai đầy đủ: 1 điểm - Không để xảy ra vụ việc ảnh hưởng đến uy tín ngành: 1 điểm	2	Kế hoạch chính trị tư tưởng năm học Hồ sơ tuyên truyền pháp luật, giáo dục kỹ năng sống Báo cáo kết quả thực hiện (có ảnh, minh chứng)	
14.	Bảo đảm an toàn trường học; phòng chống bạo lực học đường; y tế trường học, phòng chống dịch bệnh. - Được đánh giá Đạt theo Thông tư số	2	Kết quả đánh giá theo Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT; Báo cáo công tác y tế trường học; Biên bản kiểm tra an toàn trường học.	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng	Phòng nhận báo cáo và chấm điểm
	18/2023/TT-BGDĐT: 1 điểm - Không có vụ bạo lực học đường nghiêm trọng: 1 điểm			
V.	QUẢN LÝ HỌC SINH, SINH VIÊN	50		Phòng Giáo dục Trung học và Học sinh, sinh viên
	Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý về bảo đảm an ninh, an toàn trường học, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; hỗ trợ, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, thể chất cho học sinh, xây dựng văn hoá học đường, hỗ trợ khởi nghiệp và thực hiện chính sách cho học sinh: - Có văn bản triển khai đúng hạn; hoàn thành đúng tiến độ 100% nhiệm vụ, 100% học sinh gặp khó khăn được hỗ trợ tâm lý và tư vấn học đường; - Không có trường hợp học sinh nào vi phạm kỷ luật, không có bạo lực học đường, tai nạn thương tích, không có vụ việc nào làm ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín của ngành; - Không có vụ việc nào vi phạm vệ sinh an			

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng	Phòng nhận báo cáo và chấm điểm	
	toàn thực phẩm trong trường học.				
1.	Hoàn thành đúng tiến độ 100% nhiệm vụ giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, xây dựng văn hóa học đường đảm bảo không có học sinh vi phạm kỷ luật, không có bạo lực học đường, 100% học sinh gặp khó khăn được hỗ trợ tâm lý và tư vấn học đường.	15	Các văn bản thể hiện việc tổ chức triển khai và kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Hướng dẫn số 768/SGDĐT ngày 29/8/2025 của Sở GD&ĐT về thực hiện nhiệm vụ công tác học sinh, sinh viên năm học 2025-2026; kết quả thực hiện các nhiệm vụ liên quan; Tổ chức các hoạt động cụ thể theo văn bản đã ban hành (Thể hiện qua báo cáo, minh chứng số liệu, hình ảnh; có mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả); Thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, xây dựng văn hóa học đường; không có học sinh tham gia các hội, nhóm, tổ chức hoạt động trái pháp luật, không có học sinh vi phạm kỉ luật; Thực hiện tốt công tác phát triển đảng viên là học sinh, trong năm học có phát triển kết nạp đảng viên là học sinh theo nghị quyết đề ra (minh chứng theo quyết định); Văn bản thực hiện về công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kĩ năng sống cho học sinh, triển khai đầy đủ các nội dung, nhiệm vụ năm học theo hướng dẫn của Sở GDĐT; Xây dựng Quy chế phối hợp/Kế hoạch phối hợp với Công an địa phương về công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học (QC01/QCPH-BCA-BGDĐT); Quyết định ban hành bộ qui tắc ứng xử văn hóa, thực hiện tốt việc ứng xử văn hóa trong nhà trường, không có học sinh vi phạm, gây dư luận không tốt về ứng xử văn hóa (Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT); Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; không có trường hợp học sinh nào vi		
	Thực hiện từ 90% nội dung trở lên	15			
	Thực hiện từ 70% đến dưới 90% nội dung	10			
	Thực hiện từ 50% đến dưới 70% nội dung	7			
	Thực hiện dưới 50% nội dung	5			

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng	Phòng nhận báo cáo và chấm điểm
			phạm kỷ luật, không có bạo lực học đường, tai nạn thương tích, tệ nạn xã hội, không có vụ việc nào làm ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín của ngành; Xây dựng Kế hoạch công tác tư vấn học đường và công tác xã hội cho người học; Thành lập tổ/bộ phận thực hiện công tác tư vấn học đường và công tác xã hội trong trường học; Báo cáo việc thực hiện Kế hoạch công tác tư vấn học đường và công tác xã hội trong trường học (Thông tư 18/2025/TT-BGDĐT); Tham gia đầy đủ các hoạt động giáo dục đạo đức, pháp luật cho học sinh do Sở GDĐT tổ chức, phát động; Cập nhật đầy đủ Cơ sở dữ liệu liên quan đến công tác HSSV.	
2.	Hoàn thành đúng tiến độ nhiệm vụ quản lý, hỗ trợ, tư vấn nghề nghiệp, việc làm, hỗ trợ khởi nghiệp và thực hiện chế độ, chính sách cho học sinh.	15	Văn bản triển khai thực hiện công tác hỗ trợ khởi nghiệp và thực hiện các chính sách cho học sinh; Báo cáo kết quả thực hiện Công tác hỗ trợ khởi nghiệp; Thực hiện đầy đủ, kịp thời, các chế độ chính sách cho học sinh không có phản ánh liên quan về thực hiện liên quan đến chính sách của học sinh; Báo cáo đầy đủ chính xác kết quả thực hiện các chính sách cho học sinh; Văn bản chỉ đạo, thực hiện của nhà trường về công tác quản lý nề nếp học sinh; làm tốt công tác phối hợp với cha mẹ học sinh trong quản lý, giáo dục học sinh (có văn bản phối hợp giữa nhà trường với phụ huynh).	
	Thực hiện từ 90% nội dung trở lên	15		
	Thực hiện từ 70% đến dưới 90% nội dung	10		
	Thực hiện từ 50 đến dưới 70% nội dung	7		
	Thực hiện dưới 50% nội dung	5		
3.	Hoàn thành đúng tiến độ nhiệm vụ công tác y tế trường học, bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bảo đảm an toàn trường học, giáo dục thể	20	Văn bản chỉ đạo về Công tác y tế trường học (Thông tư liên tịch 13) đảm bảo các nội dung YTTH, phòng chống dịch bệnh; ATTP; vệ sinh môi trường, nước sạch; bảo hiểm y tế	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng	Phòng nhận báo cáo và chấm điểm
	chất, phát triển phong trào thể thao trường học; không có tai nạn thương tích, không có vụ việc nào làm ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín của ngành, không có vụ việc nào vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm trong trường học		HSSV,...; Văn bản/kế hoạch phối hợp với ngành Y tế trong thực hiện công tác y tế trường học; Tổ chức truyền thông giáo dục sức khỏe cho học sinh (kế hoạch và hình ảnh hoặc link báo cáo); Hoạt động công tác môi trường, vệ sinh trường lớp, đảm bảo công trình nước sạch, nhà vệ sinh... (bảng mô tả kèm theo);	
	Thực hiện từ 90% nội dung trở lên	20	Nhân viên y tế trường học chuyên trách hoặc kiêm nhiệm (danh sách kèm theo); Có phòng làm việc, trang thiết bị, dụng cụ sơ cấp cứu thông thường;	
	Thực hiện từ 70% đến dưới 90% nội dung	15	Đảm bảo 100% học sinh tham gia BHYT;	
	Thực hiện từ 50 đến dưới 70% nội dung	8	Hồ sơ đảm bảo an toàn thực phẩm; không có vụ việc vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm trong trường học;	
	Thực hiện dưới 50% nội dung	5	Không có tai nạn thương tích, không có vụ việc nào làm ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín của ngành; Trường học được đánh giá là trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích (Thông tư 18/2023/TT-BGDĐT). Văn bản triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học về công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao trường học (minh chứng: kế hoạch, quyết định, các văn bản liên quan); Tổ chức Hội khỏe Phù Đổng, Giải Thể thao, hoạt động thể dục thể thao cho học sinh ở cấp trường, có các câu lạc bộ thể thao trường học (minh chứng: quyết định, hình ảnh/ báo cáo,...); Văn bản triển khai thực hiện các hoạt động văn hóa, văn nghệ (minh chứng: kế hoạch, quyết định, các văn bản liên quan);	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng	Phòng nhận báo cáo và chấm điểm
			Văn bản triển khai thực hiện và tham gia hội thi thể dục thể thao học sinh, HKPD cấp thành phố; các hội thi văn hóa văn nghệ... do Phòng GDTrH&HSSV tham mưu Sở GDĐT tổ chức, triển khai, phân công tham gia (minh chứng: kế hoạch, văn bản khác liên quan).	
VI.	CHUYỂN ĐỔI SỐ, CÔNG TÁC KHẢO THÍ, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG, THỰC HIỆN CÔNG KHAI	100		Phòng Quản lý chất lượng
1.	Chuyển đổi số trong giáo dục và ứng dụng CNTT trong quản lý, dạy học	50		
a)	Ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học	12,5		
-	Phần mềm quản lý trường học	5,0	Có: 5 điểm; Không có: 0 điểm.	
-	Kết nối, chia sẻ dữ liệu giáo dục và đào tạo của trường với Trung tâm điều hành giáo dục thông minh của Sở GDĐT (IOC Edu)	5,0	Có kết nối, chia sẻ: 5,0 điểm; Không có: 0 điểm.	
-	Trang/Cổng thông tin điện tử	2,5	Có: 2,5 điểm; Không có: 0 điểm	
b)	Giáo dục số	25		
-	Tỉ lệ hoàn thành cập nhật thông tin cá nhân của học sinh trên IOC Edu và CSDL ngành	5	Điểm = (Tổng số học sinh hoàn thành cập nhật thông tin/tổng số học sinh) x Điểm tối đa 5,0 điểm	
-	Tỉ lệ hoàn thành cập nhật thông tin cá nhân của CBQL, GV, NV trên IOC Edu và CSDL ngành	5	Điểm = (Tổng số CBQL, GV, NV hoàn thành cập nhật thông tin/tổng số CBQL, GV, NV) x điểm tối đa 5,0 điểm	
-	Tỉ lệ xác thực thông tin cá nhân của học sinh với CSDL quốc gia về dân cư	2,5	Điểm = (tổng số học sinh được xác thực/tổng số học sinh) x điểm tối đa 2,5 điểm	
-	Tỉ lệ xác thực thông tin cá nhân của CB-	2,5	Điểm = (Tổng số CB-GV-NV được xác thực/tổng số CB-	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng	Phòng nhận báo cáo và chấm điểm
	GV-NV với CSDL quốc gia về dân cư		GV-NV) x điểm tối đa 2,5 điểm	
-	Triển khai học bạ số	5	Điểm = (Tổng số học bạ số được lưu hành trên IOC Edu/tổng số học sinh) x Điểm tối đa 5,0 điểm	
-	Thanh toán học phí và các lệ phí khác bằng hình thức không dùng tiền mặt	5	Số lượt thanh toán: từ 50% số học sinh toàn trường trở lên: 5 điểm; từ 20% đến dưới 50%: 2,5 điểm; dưới 20%: 0 điểm.	
c)	Nguồn nhân lực CNTT: Có người phụ trách CNTT	2,5	Có: 2,5 điểm. Không có: 0 điểm.	
d)	Môi trường pháp lý, tổ chức	10		
-	Xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT/chuyển đổi số hàng năm của trường	2,5	Có: 2,5 điểm. Không có: 0 điểm. (minh chứng: Kế hoạch ứng dụng CNTT/chuyển đổi số)	
-	Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phát triển ứng dụng CNTT/chuyển đổi số cho Sở GDĐT	2,5	Có: 2,5 điểm. Không có: 0 điểm (minh chứng: Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phát triển ứng dụng CNTT/chuyển đổi số)	
-	Tổ chức truyền thông chuyển đổi số	2,5	Có: 2,5 điểm. Không có: 0 điểm (Minh chứng: Báo cáo kết quả thực hiện truyền thông chuyển đổi số)	
-	Quy chế hoạt động Trang/Cổng thông tin điện tử của trường	2,5	Có: 2,5 điểm. Không có: 0 điểm. (minh chứng: Quy chế hoạt động Trang/Cổng thông tin điện tử của trường)	
2.	Công tác khảo thí (áp dụng đối với các trường phổ thông và trung tâm GDTX)	25		
a)	Tuyển sinh lớp 10	4		

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng	Phòng nhận báo cáo và chấm điểm
-	Có xây dựng kế hoạch tuyển sinh của trường	1	Có: 1,0 điểm; Không có: 0 điểm. (minh chứng: bản Kế hoạch tuyển sinh)	
-	Công tác chuẩn bị CSVC, trang thiết bị cho Kỳ thi tuyển sinh	1	Chuẩn bị đầy đủ, báo cáo đúng qui định: 1,0 điểm Không báo cáo công tác chuẩn bị CSVC theo yêu cầu, hướng dẫn của Sở: trừ 0,5 điểm; Chuẩn bị không đầy đủ, không chu đáo (theo thực tế triển khai công tác coi thi và đánh giá của các đoàn kiểm tra): trừ 0,5 điểm.	
-	Triển khai công tác tuyển sinh 10 đúng quy định	1	Có kế hoạch kiểm tra hồ sơ tuyển sinh lớp 10 (có phân công, biên bản kiểm tra, ...): 0,5 điểm Thu nhận và nhập chính xác dữ liệu phúc khảo lên hệ thống phần mềm tuyển sinh.: 0,5 điểm	
-	Báo cáo về công tác tuyển sinh đúng quy định, hướng dẫn	1	Báo cáo đúng quy định: 1,0 điểm. Báo cáo không đầy đủ hoặc không đúng thời hạn quy định: trừ 0,5 điểm. Không báo cáo: 0 điểm. (minh chứng: các văn bản báo cáo công tác tuyển sinh theo yêu cầu, hướng dẫn của Sở)	
b)	Kỳ thi tốt nghiệp THPT	7		
-	Có triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Sở GDĐT về công tác quản lý kỳ thi.	1	Các văn bản triển khai, thực hiện các văn bản theo hướng dẫn, chỉ đạo của Sở GDĐT (không có văn bản, minh chứng triển khai văn bản trừ 0,5 điểm; Văn bản, danh sách cử cán bộ, giáo viên tham dự: số lượng, thành phần tham dự công tác khảo thí (không tham dự, tham dự không đúng thành phần trừ 0,5 điểm.	
-	Công tác nhập, kiểm dò, duyệt hồ sơ	2	Nhập và kiểm dò và nộ dữ liệu chính xác, đúng thời gian	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng	Phòng nhận báo cáo và chấm điểm
	ĐKDT, ĐK xét CNTN		quy định: 1,5 điểm (sai sót sau khi đã duyệt dữ liệu, chót dữ liệu, sai sót ảnh của thí sinh trừ 0,5 đến 1,5 tùy số lượng và mức độ sai sót)	
-	Hồ sơ đề nghị miễn thi tốt nghiệp, ngoại ngữ, đặc cách, phúc khảo	2	Hồ sơ đầy đủ và nộp đúng thời gian quy định: 2,0 điểm; Mỗi loại hồ sơ không đầy đủ: trừ 0,5 điểm; Mỗi loại hồ sơ nộp không đúng thời hạn: trừ 0,5 điểm.	
-	Công tác chuẩn bị CSVC, trang thiết bị cho Kỳ thi	1	Điểm tối đa 1 điểm, trừ tối đa 1 điểm. Không báo cáo công tác chuẩn bị CSVC theo yêu cầu, hướng dẫn của Sở: trừ 0,5 điểm; Chuẩn bị không đầy đủ, không chu đáo (theo đánh giá của đoàn kiểm tra, thanh tra): trừ 0,5 điểm.	
-	Báo cáo về tốt nghiệp THPT theo quy định, hướng dẫn	1	Báo cáo đầy đủ và đúng thời gian quy định: 1,0 điểm; Báo cáo không đầy đủ: trừ 0,5 điểm; Báo cáo không đúng thời hạn: trừ 0,5 điểm.	
c)	Tổ chức triển khai các đợt đánh giá diện rộng, khảo sát PISA, ...	2	Triển khai đầy đủ theo văn bản của Sở	
d)	Tham gia công tác thi do Sở GDĐT tổ chức	2	Cán bộ, giáo viên được cử làm nhiệm vụ tại các kỳ thi do Sở GDĐT tổ chức: điểm tối đa 2 điểm, trừ tối đa 2 điểm. Cử CBGV không đủ số lượng theo yêu cầu: trừ 1 điểm; trường hợp không cử CBGV nào: trừ 2 điểm; CBGV không tham gia nhiệm vụ theo điều động của Sở hoặc vắng không xin phép: trừ 0,75 điểm/trường hợp; CBGV vi phạm quy chế thi (có lập biên bản): trừ 0,75 điểm/trường hợp; CBGV mắc sai sót trong quá trình tham gia công tác thi: trừ 0,5 điểm/trường hợp.	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng	Phòng nhận báo cáo và chấm điểm
đ)	Công tác quản lý văn bằng	10		
-	Lập đầy đủ hồ sơ cấp phát, quản lý văn bằng và lưu trữ theo quy định tại Thông tư số 21/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019, bao gồm: danh sách công nhận tốt nghiệp; hồ sơ quản lý văn bằng (biên bản giao nhận văn bằng; sổ gốc cấp văn bằng)	5	Đầy đủ hồ sơ theo quy định: 5 điểm; Không có Danh sách công nhận tốt nghiệp, hoặc Sổ gốc cấp văn bằng: 0 điểm; Thiếu 1 trong các hồ sơ còn lại: trừ điểm theo mức độ, trừ tối đa 2,5 điểm. (Minh chứng: hồ sơ cấp phát, quản lý văn bằng)	
-	Tổ chức kiểm tra việc quản lý, cấp phát văn bằng	3	Có tổ chức kiểm tra, hồ sơ kiểm tra đầy đủ: 3 điểm; Có tổ chức kiểm tra, hồ sơ kiểm tra không đầy đủ: 1,5 điểm; Không tổ chức kiểm tra: 0 điểm; (minh chứng: biên bản làm việc, hồ sơ kiểm tra)	
-	Thời gian cấp văn bằng	1	Cấp phát văn bằng đúng thời hạn: 1 điểm; Cấp phát văn bằng không đúng thời hạn: 0 điểm.	
-	Chế độ báo cáo Sở GDĐT việc cấp phát, quản lý văn bằng	1	Báo cáo đúng thời hạn: 1 điểm; Báo cáo không đúng thời hạn: 0,5 điểm; Không báo cáo: 0 điểm. (minh chứng: văn bản báo cáo)	
3.	Kiểm định chất lượng giáo dục và trường đạt chuẩn quốc gia	20		
a)	Quyết định Thành lập Hội đồng tự đánh giá	2	Có: 2 điểm; Không có: 0 điểm. (minh chứng: Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá)	
b)	Lập kế hoạch tự đánh giá, thu thập và xử lý hồ sơ minh chứng	5	Hồ sơ và xử lý hồ sơ minh chứng đảm bảo theo quy định: 5 điểm; Có kế hoạch và xử lý hồ sơ minh chứng nhưng chưa đầy đủ, chưa đảm bảo theo quy định: 3 điểm; Không có: 0 điểm.	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng	Phòng nhận báo cáo và chấm điểm
			(minh chứng: Kế hoạch tự đánh giá, hồ sơ tự đánh giá)	
c)	Báo cáo tự đánh giá và công bố báo cáo tự đánh giá, gửi báo cáo tự đánh giá về Sở GDĐT	8	Thực hiện đảm bảo theo hướng dẫn, sắp xếp theo cấu trúc và đúng về thể thức, kỹ thuật trình bày: 8 điểm; Thực hiện chưa đảm bảo theo hướng dẫn, sắp xếp theo cấu trúc và đúng về thể thức, kỹ thuật trình bày: 4 điểm; Không có: 0 điểm. (Minh chứng: Báo cáo tự đánh giá)	
d)	Trường chuẩn quốc gia	5	Được công nhận trường chuẩn quốc gia (nếu chưa có quyết định thì căn cứ kết luận của Đoàn đánh giá ngoài): 5 điểm; Chưa công nhận trường chuẩn quốc gia (bao gồm cả hết hạn): 0 điểm.	
4.	Thực hiện quy định về công khai	5		
a)	Công khai đầy đủ các nội dung theo quy định	3	Công khai đầy đủ, đúng nội dung, đúng hình thức và đúng thời điểm: 3 điểm; Công khai chưa đầy đủ hoặc chưa đúng thời điểm: 1,5 điểm; Không thực hiện công khai: 0 điểm. (minh chứng: đường link Trang/Cổng thông tin điện tử, bảng niêm yết, hồ sơ/văn bản công khai)	
b)	Lưu trữ, cập nhật minh chứng thực hiện công khai	2	Có minh chứng đầy đủ, rõ ràng, dễ kiểm tra: 2 điểm; Minh chứng chưa đầy đủ hoặc cập nhật chưa kịp thời: 1 điểm; Không có minh chứng: 0 điểm. (Minh chứng: hồ sơ công khai, ảnh chụp/đường link công khai, báo cáo kiểm tra nội bộ)	
VII.	PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ VÀ XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC Ở ĐỊA	50		Phòng Tổ chức cán bộ

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng	Phòng nhận báo cáo và chấm điểm
	PHƯƠNG			
1.	Thực hiện các chế độ, chính sách đối với giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	7		
a)	Việc thực hiện nâng lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên nhà giáo, các loại phụ cấp khác, chế độ trả lương dạy thêm giờ, chế độ tiền thưởng theo quy định của Chính phủ	5		
-	Xây dựng Quy chế về nâng bậc lương trước thời hạn, Quy chế chi tiền thưởng, tiền lương dạy thêm giờ và triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định	2	Các Quy chế được ban hành	
-	Báo cáo kết quả thực hiện tại đơn vị; đề nghị cấp có thẩm quyền thực hiện chế độ chính sách đối với người đứng đầu đơn vị	2	Báo cáo, Tờ trình	
-	Thực hiện đảm bảo các chế độ, chính sách khác đối với viên chức, người lao động, không có đơn thư, khiếu kiện, khiếu nại về thực hiện chế độ, chính sách	1	Kết quả kiểm tra, theo dõi của cơ quan quản lý	
b)	Giải quyết chế độ nghỉ hưu, thôi việc, tính giản biên chế	2		
-	Đơn vị thực hiện giải quyết chế độ nghỉ hưu, thôi việc đúng quy định (nếu có)	1	Hồ sơ giải quyết chế độ hưu, thôi việc của đơn vị	
-	Đơn vị có triển khai, thông báo đến toàn thể viên chức về các quy định liên quan đến tính giản biên chế và thực hiện đúng quy	1	Văn bản triển khai/biên bản họp có nội dung triển khai hoặc minh chứng hợp lệ khác	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng	Phòng nhận báo cáo và chấm điểm
	định.			
2.	Thực hiện công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý đội ngũ	5		
a)	Báo cáo nhu cầu tuyển dụng viên chức theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền (Báo cáo đúng nội dung yêu cầu, đúng thời hạn)	1	Theo dõi báo cáo của cơ quan có thẩm quyền	
b)	Đơn vị thực hiện nghiêm túc chế độ tập sự; kịp thời trình cấp có thẩm quyền bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, chuyển xếp lương đối với viên chức đảm bảo đủ tiêu chuẩn, điều kiện (nếu có)	1	Hồ sơ đề nghị của nhà trường	
c)	Phân công nhiệm vụ đối với nhà giáo, người lao động trong đơn vị đảm bảo chế độ làm việc	2	Quyết định phân công nhiệm vụ đầu mỗi năm học và các quyết định điều chỉnh, bổ sung. Bảng tổng hợp số tiết thực hiện trong năm học đối với mỗi nhà giáo(bao gồm các hoạt động kiêm nhiệm đã được quy đổi hoặc được giảm định mức)	
d)	Xây dựng kế hoạch số lượng người làm việc đảm bảo định mức quy định	1	Báo cáo cơ quan quản lý kế hoạch số lượng người làm việc	
3.	Công tác quy hoạch dự nguồn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại	4		
a)	Tổ chức thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch theo đúng quy định	2	Báo cáo kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch	
b)	Bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó các tổ chuyên môn, văn phòng	2	Các quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó	
4.	Công tác đánh giá, xếp loại viên chức;	5		

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng	Phòng nhận báo cáo và chấm điểm
	đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên			
a)	Có văn bản triển khai công tác đánh giá xếp loại; Tổ chức thực hiện quy trình đánh giá, xếp loại theo quy định. Ban hành Thông báo kết quả đánh giá xếp loại; Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền đánh giá xếp loại đối với người đứng đầu"	2	Văn bản triển khai công tác đánh giá xếp loại - Thông báo kết quả đánh giá xếp loại; - Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền đánh giá xếp loại đối với người đứng đầu; Biên bản họp đánh giá, xếp loại	
b)	Thực hiện công tác đánh giá chuẩn nghề nghiệp đối với Hiệu trưởng, giáo viên theo quy định	2	Văn bản triển khai công tác đánh giá chuẩn nghề nghiệp đối với Hiệu trưởng, giáo viên - Thông báo kết quả đánh giá chuẩn; - Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền đánh chuẩn đối với người đứng đầu; Biên bản họp đánh giá chuẩn	
c)	Đơn vị không có đơn, thư khiếu nại, phản ánh về kết quả đánh giá, xếp loại	1		
5.	Công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đối với đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên	3		
	Xây dựng Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đối với đội ngũ CBQL, GV, NV	2	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đối với đội ngũ CBQL, GV, NV	
	Cử CBQL, GV, NV tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng	1	Quyết định cử đi học; Công văn triệu tập tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng	
6.	Việc thực hiện các quy định về đạo đức nhà giáo; Quy chế dân chủ ở cơ sở; Kê khai tài sản thu nhập	7		
a)	Triển khai thực hiện quy định về đạo đức nhà giáo	1	Văn bản triển khai/biên bản họp có nội dung triển khai hoặc minh chứng hợp lệ khác	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng	Phòng nhận báo cáo và chấm điểm
b)	Đơn vị không có trường hợp vi phạm quy định về đạo đức nhà giáo	1	Kết quả kiểm tra, theo dõi của cơ quan quản lý	
c)	Xây dựng Quy chế dân chủ ở cơ sở	2	Quy chế dân chủ ở cơ sở	
d)	Triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đảm bảo theo đúng quy định	1	Kết quả kiểm tra, theo dõi của cơ quan quản lý	
e)	Triển khai thực hiện công tác kê khai tài sản theo đúng quy định	2	Báo cáo danh sách người có nghĩa vụ kê khai; Bản kê khai tài sản của người có nghĩa vụ kê khai; Báo cáo kết quả KKTS	
7.	Quản lý, cập nhật hồ sơ viên chức, người lao động; cập nhật trên phần mềm Quản lý hồ sơ công chức viên chức của thành phố	3	Kết quả kiểm tra thực tế trên phần mềm	
a)	Thực hiện cập nhật đầy đủ, kịp thời hồ sơ viên chức và người lao động trên phần mềm Quản lý hồ sơ CBCCVC của thành phố và không phát sinh lỗi.	1		
b)	Thực hiện cập nhật đầy đủ, kịp thời hồ sơ viên chức và người lao động trên phần mềm Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo và dữ liệu trùng khớp với phần mềm Quản lý hồ sơ CBCCVC của thành phố	1		
c)	Lỗi phát sinh tại thời điểm kiểm tra (điểm trừ: cứ mỗi lỗi hồ sơ phát sinh trừ 1 điểm)	1		
8.	Việc thực hiện đề án vị trí việc làm	2		
a)	Đơn vị có xây dựng đề án vị trí việc làm	1	Đề án VTVL đúng hướng dẫn của cấp có thẩm quyền; Tờ	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng	Phòng nhận báo cáo và chấm điểm
	trình cấp có thẩm quyền phê duyệt		trình của đơn vị đề nghị phê duyệt đề án VTVL	
b)	Đơn vị có cơ cấu số lượng người làm việc phù hợp với đề án đã được phê duyệt	1	Kết quả kiểm tra, theo dõi của cơ quan quản lý	
9.	Công tác thông tin, báo cáo	14		
	Mỗi báo cáo không đúng theo yêu cầu, không báo cáo hoặc báo cáo trễ từ 02 ngày trở lên: trừ 01 điểm		Kết quả kiểm tra, theo dõi của cơ quan quản lý	
VIII.	CÔNG TÁC XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ DẠY HỌC, THƯ VIỆN; CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN	50		Phòng Kế hoạch – Tài chính
1.	Công tác xây dựng cơ sở vật chất	20		
a)	Quy hoạch, xây dựng cơ sở vật chất kiên cố hóa và hiện đại; khai thác các nguồn vốn hợp pháp khác	5	Có quy hoạch đã được phê duyệt và tổ chức xây dựng cơ sở vật chất của đơn vị theo hướng kiên cố hóa và hiện đại; khai thác các nguồn vốn hợp pháp ngoài ngân sách Nhà nước để đầu tư cơ sở vật chất; hằng năm có kế hoạch đầu tư duy tu, bảo dưỡng cơ sở vật chất	
b)	Đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị tối thiểu	5	Đảm bảo đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị tối thiểu đảm bảo đúng nguồn dự toán giao (có hồ sơ minh chứng kèm theo)	
c)	Tổ chức quản lý, thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng	5	Có thành lập tổ/hội đồng theo quy định hiện hành để tổ chức quản lý, tổ chức đấu thầu xây dựng, thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng công trình. Bảo quản, khai thác và sử dụng cơ sở vật chất của đơn vị có hiệu quả, đúng mục đích (có hồ sơ minh chứng kèm theo)	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng	Phòng nhận báo cáo và chấm điểm
d)	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia	5	Có kế hoạch, lộ trình xây dựng trường chuẩn quốc gia mức độ 2 về cơ sở vật chất	
2.	Công tác thiết bị dạy học và thư viện	15		
a)	Nhân sự, đầu tư thư viện, thiết bị dạy học.	5	Có cán bộ chuyên trách thư viện, thiết bị dạy học. Có kế hoạch hằng năm, kế hoạch trung hạn và dài hạn về đầu tư thiết bị dạy học và thư viện đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của nhà trường	
b)	Lồng ghép các nguồn vốn, khai thác các nguồn vốn hợp pháp	5	Tổ chức tốt việc lồng ghép các nguồn vốn, đồng thời khai thác các nguồn vốn hợp pháp (vốn tự có, vốn huy động, tài trợ) để đầu tư tăng cường thiết bị dạy học và thư viện có hiệu quả. Thực hiện đúng các quy định hiện hành về đầu tư mua sắm thiết bị dạy học và thư viện (có hồ sơ minh chứng kèm theo)	
c)	Quản lý, khai thác sử dụng thiết bị dạy học và thư viện	5	Tổ chức tốt việc quản lý, khai thác sử dụng thiết bị dạy học và thư viện hiện có để phục vụ công tác dạy học và nghiên cứu khoa học của nhà trường, có sử dụng công cụ, phần mềm quản lý sử dụng	
3.	Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất	5	Thực hiện đầy đủ, đảm bảo chất lượng các Báo cáo khác (báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của sở Giáo dục và Đào tạo) (trễ 01 ngày trừ 1 điểm/ 1 báo cáo)	
4.	Công tác quản lý tài chính, tài sản	20		
a)	Việc Lập và chấp hành dự toán (đúng định mức, tiêu chuẩn)	5	Báo cáo lập dự toán theo đúng thời hạn, kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền. Chấp hành dự toán ngân sách đúng tiêu chuẩn định mức, không xảy ra vi phạm trong các đợt xét duyệt, kiểm tra, kiểm toán, thanh tra.	

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Minh chứng	Phòng nhận báo cáo và chấm điểm
b)	Quản lý nguồn thu	5	Không để xảy ra tình trạng lạm thu trong đơn vị, trường học.	
c)	Quản lý sử dụng tài sản	5	Mua sắm, thanh lý, điều chuyển đúng quy định, tiêu chuẩn... Có đầy đủ các báo cáo về tài sản theo quy định.	
d)	Công khai tài chính	5	Công khai tài chính theo qui định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và Thông tư 26/2026/TT-BTC ngày ngày 25	
IX.	ĐIỂM THƯỞNG	50	Điểm thưởng dành cho các cơ sở giáo dục và đào tạo có thành tích xuất sắc tiêu biểu, nổi trội, có sáng tạo trong việc thực hiện lĩnh vực công tác, có mô hình mới được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo ghi nhận, có kết quả nổi bật, có sự vươn lên vượt bậc so với năm học trước, có giải pháp hiệu quả trong tháo gỡ khó khăn nâng cao chất lượng giáo dục.	